

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-6-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Mạc Hoàng Nhủ.

Ông Trần Minh Út.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thúy Nhị - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Võ Minh T, sinh năm 1991 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Trang E, sinh năm 1998.

Cư trú tại: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020 bà E có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2020 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Võ Minh T trình bày: Ông và bà Nguyễn Trang E tự nguyện chung sống với

nhau vào năm 2013, đến năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cự cãi, từ đó dẫn đến cuộc sống trong gia đình ngày càng mâu thuẫn và cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Trang E. Trong quá trình chung sống ông và bà E có một người con chung tên Võ Minh Q, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2014, con chung đang do ông trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 04 tháng 5 năm 2020 bị đơn bà Nguyễn Trang E trình bày: Bà và ông Võ Minh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013, đến năm 2018 đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Võ Minh T. Bà và ông T có một người con chung tên Võ Minh Q, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2014, bà đồng ý giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Trang E, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Trang E là bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Trang E.

[3] Về quan hệ hôn nhân : Ông Võ Minh T và bà Nguyễn Trang E tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của ông T và bà E là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa ông T giữ yêu cầu ly hôn với bà E vì cho rằng không còn thương yêu bà E. Tại bản tự khai ngày 04 tháng 5 năm 2020 bà Trang đồng ý ly hôn với ông T. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà E đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Võ Minh T ly hôn với bà Nguyễn Trang E.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống ông T và bà E có một người con chung tên Võ Minh Q, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2014, con chung do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Tại bản

tự khai ngày 04 tháng 5 năm 2020 bà E đồng ý giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa ông T và bà E là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của ông T và bà E, giao người con chung tên Võ Minh Q, sinh ngày 29 tháng 4 năm 2014 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Trang E có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung ông Võ Minh T và bà Nguyễn Trang E không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông T phải chịu 300.000 đồng, ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Võ Minh T và bà Nguyễn Trang E.

- Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Võ Minh Q (giới tính nam), sinh ngày 29 tháng 4 năm 2014 cho ông Võ Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Trang E có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Ông Võ Minh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011560 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; ông T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, ông Võ Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Trang E có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án*

*dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi Cục THADS huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Việt Triều**